

Số: /BT-PTP

TP. Lào Cai, ngày tháng 3 năm 2024

BẢN TIN PHÁP LUẬT
(Tuần 12)

Thực hiện Chương trình công tác về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024 trên địa bàn thành phố Lào Cai. Phòng Tư pháp thành phố Lào Cai tổng hợp một số nội dung các văn bản mới được các cơ quan nhà nước cấp trên ban hành, cụ thể như sau:

1. Quy định với người điều khiển và phương tiện cơ giới nước ngoài khi tham gia giao thông tại Việt Nam từ 01/5/2024

Ngày 07/3/2024, Chính phủ ban hành Nghị định 30/2024/NĐ-CP quy định về quản lý phương tiện giao thông cơ giới đường bộ đăng ký tại nước ngoài, do người nước ngoài đưa vào Việt Nam du lịch.

- Phải có phương tiện đi trước để hướng dẫn giao thông cho phương tiện cơ giới nước ngoài trong quá trình tham gia giao thông tại Việt Nam. Phương tiện hướng dẫn giao thông là xe ô tô (nếu khách du lịch điều khiển xe ô tô) hoặc xe mô tô (nếu khách du lịch điều khiển xe mô tô) do doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế của Việt Nam bố trí và phải được gắn logo hoặc cấm cờ có biểu tượng của doanh nghiệp đó.

- Chỉ được tham gia giao thông trên các tuyến đường trong phạm vi địa giới hành chính cấp tỉnh và thời gian lưu hành trên lãnh thổ Việt Nam theo đúng quy định tại văn bản chấp thuận của Bộ Công an.

- Khi điều khiển phương tiện cơ giới nước ngoài tham gia giao thông, người điều khiển phải chấp hành đúng quy định của pháp luật về giao thông đường bộ của Việt Nam; mang theo và xuất trình khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu các giấy tờ sau:

+ Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế, giấy tờ liên quan đến cư trú tại Việt Nam;

+ Giấy phép lái xe do nước ngoài cấp phù hợp với loại xe điều khiển và còn hiệu lực;

+ Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới hoặc giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền của quốc gia đăng ký xe cấp còn hiệu lực (đối với xe ô tô);

+ Giấy đăng ký xe do cơ quan có thẩm quyền của quốc gia đăng ký xe cấp và còn hiệu lực;

+ Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới có giá trị tại Việt Nam;

+ Tờ khai hải quan phương tiện vận tải đường bộ tạm nhập, tái xuất.

Xem thêm Nghị định 30/2024/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/5/2024.

Nghị định 152/2013/NĐ-CP và Nghị định 57/2015/NĐ-CP hết hiệu lực từ ngày 01/5/2024.

2. Những vật dụng thí sinh được mang vào phòng thi tốt nghiệp THPT năm 2024

Ngày 06/3/2024, Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư 02/2024/TT-BGDĐT sửa đổi Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông kèm theo Thông tư 15/2020/TT-BGDĐT được sửa đổi bởi Thông tư 05/2021/TT-BGDĐT và Thông tư 06/2023/TT-BGDĐT. Theo đó, thí sinh thi THPT năm 2024 được đem vào phòng thi những vật dụng sau:

- Bút viết;
- Thước kẻ;
- Bút chì;
- Tẩy chì;
- Êke;
- Thước vẽ đồ thị;
- Dụng cụ vẽ hình;
- Máy tính cầm tay không có chức năng soạn thảo văn bản và không có thể nhớ;
- Atlas Địa lí Việt Nam được biên soạn theo Chương trình giáo dục phổ thông 2006 (không có đánh dấu hoặc viết thêm bất cứ nội dung nào khác).

Ngoài ra, những vật dụng cầm thí sinh mang vào phòng thi gồm: Giấy than, bút xóa, đồ uống có cồn; vũ khí và chất gây nổ, gây cháy; tài liệu, thiết bị truyền tin (thu, phát sóng thông tin, ghi âm, ghi hình) hoặc chứa thông tin để gian lận trong quá trình làm bài thi.

Các môn thi tốt nghiệp THPT năm 2024

Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024 sẽ tổ chức thi 05 (năm) bài thi, gồm:

- 03 (ba) bài thi độc lập là Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ (Tiếng Anh, Tiếng Nga, Tiếng Pháp, Tiếng Trung Quốc, Tiếng Đức, Tiếng Nhật và Tiếng Hàn);
- 01 (một) bài thi tổ hợp Khoa học Tự nhiên (viết tắt là KHTN) gồm các môn thi thành phần Vật lí, Hóa học, Sinh học;
- 01 (một) bài thi tổ hợp Khoa học Xã hội (viết tắt là KHXH) gồm các môn thi thành phần Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân đối với thí sinh học chương trình giáo dục phổ thông cấp THPT hoặc các môn thi thành phần Lịch sử, Địa lí đối với thí sinh học chương trình GDTX cấp THPT.

Xem chi tiết tại Thông tư 02/2024/TT-BGDĐT có hiệu lực từ ngày 22/4/2024.

3. Nhiệm vụ triển khai Chương trình nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân luật

Ngày 07/3/2024, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định 761/QĐ-BGDĐT về Kế hoạch triển khai Quyết định 1056/QĐ-TTg phê duyệt “Chương trình tăng cường kiểm soát và nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân luật giai đoạn 2023-2030”. Theo đó, các nhiệm vụ triển khai Chương trình nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân luật được quy định tại Quyết định 761/QĐ-BGDĐT. Trong có, các nhiệm vụ, giải pháp giao cho các cơ sở đào tạo cử nhân luật bao gồm:

- Bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên ngành luật trong đó tập trung phát triển đội ngũ giảng viên có trình độ tiến sĩ trong nước và ở nước ngoài; tăng cường giám sát việc thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học đối với giảng viên ngành luật theo quy định.

- Tăng cường các chương trình thực tập sinh, trao đổi sinh viên, giảng viên. Chương trình thực tập sinh đối với sinh viên ngành luật - Chương trình trao đổi sinh viên ngành luật - Chương trình trao đổi giảng viên chuyên môn luật.

- Đổi mới, cập nhật chương trình đào tạo theo chuẩn chương trình đào tạo theo hướng hội nhập quốc tế.

- Tăng cường phát huy hiệu quả hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong và tham gia xếp hạng lĩnh vực pháp luật, kiểm định chất lượng quốc tế.

- Tăng cường kết nối giữa cơ sở đào tạo và đơn vị sử dụng lao động, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội nghề nghiệp có liên quan đào tạo, nghiên cứu khoa học và thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu trong lĩnh vực pháp luật.

- Thu hút các chuyên gia giỏi trong nước và nước ngoài tham gia giảng dạy, nghiên cứu lĩnh vực pháp luật.

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho các chương trình đào tạo cử nhân luật.

- Tăng cường tổ chức các lớp tập huấn và tham gia các hoạt động nghề nghiệp thực tiễn tại các cơ quan, tổ chức hành nghề luật; Tăng cường sự liên kết giữa các cơ sở đào tạo cử nhân luật với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp để hỗ trợ sinh viên thực tập nghề nghiệp, nâng cao năng lực làm việc cho sinh viên.

- Xây dựng cơ chế khuyến khích giảng viên ngành luật tích cực tham gia hợp tác giảng dạy và nghiên cứu, cung cấp dịch vụ pháp lý đóng góp cho cộng đồng.

- Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về đào tạo cử nhân luật và các nội dung của Chương trình 1056.

- Tổ chức kiểm tra, thanh tra nội bộ về đào tạo cử nhân luật và việc thực hiện Chương trình 1056 Biên bản kiểm tra, thanh tra; báo cáo kết quả kiểm tra, thanh tra; kết luận thanh tra.

Xem chi tiết tại Quyết định 761/QĐ-BGDĐT có hiệu lực từ ngày 07/3/2024.

4. Danh mục TTHC đủ điều kiện thực hiện DVC trực tuyến toàn trình thuộc Bộ Xây dựng

Ngày 08/3/2024, Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quyết định 157/QĐ-BXD về Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công (DVC) trực tuyến toàn trình. Theo đó, danh mục TTHC đủ điều kiện thực hiện DVC trực tuyến toàn trình thuộc Bộ Xây dựng đơn cử như:

* Lĩnh vực quy hoạch – kiến trúc:

- Thủ tục chuyên đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam.

- Thủ tục công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam.

- Thủ tục gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc.

- Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp chứng chỉ hành nghề.

- Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc (do chứng chỉ hành nghề bị mất, hư hỏng hoặc thay đổi thông tin cá nhân được ghi trong chứng chỉ hành nghề kiến trúc).

- Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc quy định.

- Thủ tục công nhận tổ chức xã hội - nghề nghiệp, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo đủ điều kiện thực hiện sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc.

- Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện.

- Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh.

* Lĩnh vực vật liệu xây dựng:

- Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng.
- Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng.
- Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng - Cấp lại giấy chứng nhận hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng.
- Cấp bổ sung, sửa đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng.
- Cấp mới Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng.

Xem chi tiết tại Quyết định 157/QĐ-BXD có hiệu lực từ ngày 08/3/2024.

5. Nhiệm vụ chính trong sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030

Ngày 06/3/2024, Văn phòng Chính phủ ban hành Thông báo 81/TB-VPCP kết luận của Phó Thủ tướng Trần Lưu Quang, Trưởng Ban Chỉ đạo tại Phiên họp thứ nhất Ban Chỉ đạo thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030. Việc sắp xếp đơn vị hành chính (ĐVHC) là một nhiệm vụ hệ trọng nhưng phức tạp, tác động lớn đến tâm lý của người dân và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động nơi thực hiện sắp xếp. Trong quá trình tổ chức thực hiện, yêu cầu các bộ, ngành, địa phương, cơ quan liên quan quán triệt quan điểm chỉ đạo đã được nêu tại các Nghị quyết, Kết luận của Bộ Chính trị, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và các Công điện của Thủ tướng Chính phủ, theo đó cần chú trọng thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể trong thời gian tới như sau:

- Bộ Nội vụ, Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo chủ động hướng dẫn, đôn đốc các địa phương; có cơ chế tiếp nhận thông tin từ địa phương, tổng hợp kết quả thực hiện, khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo và các Thành viên Ban Chỉ đạo có liên quan để xử lý, tháo gỡ trong thời gian ngắn nhất, hiệu quả nhất.

Đồng chí Bộ trưởng Bộ Nội vụ chỉ đạo tổng hợp, tiếp thu ý kiến thảo luận tại cuộc họp này, hoàn thiện và ký Báo cáo tình hình thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030; trình Trưởng Ban Chỉ đạo xem xét, ký ban hành Kế hoạch triển khai nhiệm vụ thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã của năm 2024 và phân công các Thành viên Ban Chỉ đạo phụ trách địa bàn để làm căn cứ thực hiện; chủ trì, phối hợp các bộ, ngành liên quan tổ chức thẩm định hồ sơ Đề án của các địa phương theo hướng ưu tiên các địa phương có số lượng ĐVHC thực hiện sắp xếp không nhiều, đã hoàn thiện xong Đề án sớm so với thời hạn yêu cầu; phân nhóm các địa phương trình hồ sơ Đề án theo các đợt, tránh dồn vào một thời điểm.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu và đề xuất xử lý các vướng mắc đối với 10 địa phương đã được phê duyệt quy hoạch tỉnh trước khi có Nghị quyết 35/2023/UBTVQH15; theo chức năng, nhiệm vụ được giao hướng dẫn các địa phương về việc bố trí kinh phí thực hiện sắp xếp ĐVHC quy định tại Nghị quyết 35/2023/UBTVQH15.

- Bộ Tài chính khẩn trương trình Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định 167/2017/NĐ-CP và Nghị định 67/2021/NĐ-CP quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công (trong đó có bổ sung đối tượng là các ĐVHC cấp huyện, cấp xã thực

hiện sắp xếp) vào cuối Quý I/2024; hướng dẫn việc dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã theo quy định.

- Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ và các địa phương tháo gỡ vướng mắc trong công tác quy hoạch và phân loại đô thị để bảo đảm tiến độ xây dựng và trình hồ sơ Đề án sắp xếp của các địa phương hoàn thành chậm nhất trong tháng 9 năm 2024 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

- Các bộ, cơ quan trung ương căn cứ kiến nghị, đề xuất của các địa phương kịp thời tháo gỡ vướng mắc, khó khăn trong quá trình tổ chức triển khai sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã.

Bộ Nội vụ có trách nhiệm tổng hợp các vướng mắc, khó khăn của địa phương gửi các bộ, cơ quan trung ương để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét.

- Thành viên Ban Chỉ đạo được phân công phụ trách địa bàn cần nâng cao trách nhiệm, bám sát tình hình triển khai ở các địa phương để bảo đảm tiến độ hoàn thành công tác sắp xếp ĐVHC trong tháng 9 năm 2024.

Bộ Nội vụ cử cán bộ, công chức chuyên môn giúp cho các Thành viên Ban Chỉ đạo trong việc khảo sát và làm việc với các địa phương được phân công phụ trách.

Xem chi tiết tại Thông báo 81/TB-VPCP ngày 06/3/2024.

6. Sửa đổi điều kiện công nhận xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới

Ngày 07/3/2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 03/2024/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 về điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021–2025. Xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (NTM), đạt chuẩn NTM nâng cao, đạt chuẩn NTM kiểu mẫu khi:

- Đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của: Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2021 - 2025 (đối với xã NTM); Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 (đối với xã NTM nâng cao); Quy định xã NTM kiểu mẫu giai đoạn 2021 - 2025 (đối với xã NTM kiểu mẫu);

- Không có nợ đọng xây dựng cơ bản thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn;

- Có tỷ lệ hài lòng của người dân trên địa bàn đối với kết quả xây dựng NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu của xã đáp ứng yêu cầu theo quy định;

- Xã đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” theo quy định của Bộ Công an. (Trước đây là Xã không phức tạp về an ninh, trật tự theo quy định của Bộ Công an.)

Sửa đổi điều kiện công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới

Huyện được công nhận đạt chuẩn NTM, đạt chuẩn NTM nâng cao, thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM khi:

- Đáp ứng đầy đủ các điều kiện và mức đạt chuẩn theo yêu cầu của:

+ Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM giai đoạn 2021 – 2025, trường hợp huyện không có thị trấn thì không phải thực hiện điều kiện “Có 100% số thị trấn trên địa bàn đạt chuẩn đô thị văn minh” (đối với huyện NTM);

+ Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 (đối với huyện NTM nâng cao);

+ Quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025 (đối với thị xã, thành phố);

+ Tiêu chí huyện NTM đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021 - 2025 (đối với huyện không có đơn vị hành chính cấp xã).

Trước đây là: Đáp ứng đầy đủ các điều kiện và mức đạt chuẩn theo yêu cầu của: Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM giai đoạn 2021 - 2025 (đối với huyện NTM); Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 (đối với huyện NTM nâng cao); quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025 (đối với thị xã, thành phố)

- Không có nợ đọng xây dựng cơ bản thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn;

- Có tỷ lệ hài lòng của người dân trên địa bàn đối với kết quả xây dựng NTM của cấp huyện đáp ứng yêu cầu theo quy định.

Xem chi tiết tại Quyết định 03/2024/QĐ-TTg có hiệu lực từ ngày 07/3/2024.

7. Tiếp tục phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp

Ngày 08/3/2024, Chính phủ ban hành Nghị quyết 29/NQ-CP về Chương trình hành động thực hiện Kết luận 61-KL/TW ngày 17/8/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Thực hiện Kết luận 61-KL/TW ngày 17/8/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, Chính phủ ban hành Chương trình hành động với các nhiệm vụ và giải pháp đơn cử như sau:

Tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định 984/QĐ-TTg ngày 23/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Giải quyết, tháo gỡ vướng mắc, khó khăn trong việc sắp xếp, đổi mới của các công ty nông, lâm nghiệp tại các địa phương, nhất là việc bàn giao, tiếp nhận các công ty lâm nghiệp từ các bộ, ngành cho Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý.

- Xử lý triệt để tồn đọng, tranh chấp về đất đai có nguồn gốc từ lâm trường, công ty lâm nghiệp;

Chấm dứt tình trạng công ty lâm nghiệp, doanh nghiệp được giao đất nhưng không sử dụng (nhượng lại, cho thuê, cho mượn, khoán trắng) hoặc sử dụng không hiệu quả;

Xử lý dứt điểm diện tích đất lâm nghiệp bị chồng lấn, tranh chấp, lấn chiếm.

- Giải quyết đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số. Kiểm soát chặt chẽ việc chuyển nhượng đất ở, đất sản xuất được giao của đồng bào dân tộc thiểu số.

- Quản lý chặt chẽ tình trạng dân di cư tự do tại cả nơi đi và nơi đến. Các địa phương có dân đi phải tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, ổn định đời sống của người dân để giảm thiểu tình trạng di cư ra khỏi địa phương.

Các địa phương có dân đến, tổ chức tuyên truyền, vận động người dân trở lại nơi cư trú cũ, trường hợp xác định người dân thực sự không có điều kiện về nơi ở cũ,

thì tổ chức ổn định cuộc sống, giải quyết đất phù hợp với tình hình thực tế địa phương cho người dân tại các khu vực được quy hoạch.

Xem chi tiết tại Nghị quyết 29/NQ-CP ngày 08/3/2024.

8. Tiêu chuẩn về trình độ đối với công chức lãnh đạo, quản lý từ 01/5/2024

Ngày 06/3/2024, Chính phủ vừa ban hành Nghị định 29/2024/NĐ-CP quy định tiêu chuẩn chung áp dụng đối với các chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước. Theo đó, tiêu chuẩn về trình độ đối với công chức lãnh đạo, quản lý như sau:

- Tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác theo quy định của cấp có thẩm quyền.

- Về lý luận chính trị:

- + Có bằng tốt nghiệp cử nhân chính trị hoặc cao cấp lý luận chính trị hoặc cao cấp lý luận chính trị - hành chính hoặc có giấy xác nhận tương đương trình độ cao cấp lý luận chính trị của cơ quan có thẩm quyền (Áp dụng đối với các chức vụ, chức danh tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 1; điểm a, điểm b và điểm c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 2 Nghị định 29/2024/NĐ-CP);

- + Có bằng tốt nghiệp trung cấp lý luận chính trị trở lên hoặc có giấy xác nhận tương đương trình độ trung cấp lý luận chính trị của cơ quan có thẩm quyền (Áp dụng đối với các chức vụ, chức danh còn lại tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và các chức vụ, chức danh tại khoản 4 Điều 2 Nghị định 29/2024/NĐ-CP).

- Về quản lý nhà nước:

- + Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với công chức ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương (Áp dụng đối với các chức vụ, chức danh tại điểm a và điểm b khoản 1; điểm a, điểm b và điểm c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 2 Nghị định 29/2024/NĐ-CP);

- + Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với công chức ngạch chuyên viên chính và tương đương trở lên (Áp dụng đối với các chức vụ, chức danh tại điểm c và điểm d khoản 1; điểm d khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 2 Nghị định 29/2024/NĐ-CP);

- + Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với công chức ngạch chuyên viên và tương đương trở lên (Áp dụng đối với các chức vụ, chức danh còn lại tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và các chức vụ, chức danh tại khoản 4 Điều 2 Nghị định 29/2024/NĐ-CP).

- Có trình độ ngoại ngữ phù hợp với vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý theo quy định của bộ, ngành, địa phương nơi công tác hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với trường hợp vị trí việc làm liên quan trực tiếp đến người dân tộc thiểu số hoặc vị trí việc làm công tác tại vùng dân tộc thiểu số. Việc xác định trình độ ngoại ngữ và các trường hợp có văn bằng, chứng chỉ được xác định tương đương thực hiện theo quy định của pháp luật.

Xem chi tiết tại Nghị định 29/2024/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/5/2024.

9. Đến năm 2030, hoàn thành đầu tư, lắp đặt 18 trạm quan trắc chất lượng không khí

Ngày 07/3/2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 224/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm

nhìn đến năm 2050. Theo đó, mục tiêu của Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đơn cử như sau:

- Mục tiêu tổng quát

Mục tiêu nhằm xây dựng hệ thống quan trắc môi trường quốc gia đồng bộ, tiên tiến hiện đại, giám sát được các khu vực trọng yếu có tính chất liên vùng, liên tỉnh, xuyên biên giới, khu vực tập trung nhiều nguồn thải và thực hiện quan trắc đa dạng sinh học tại các khu bảo tồn thiên nhiên, hành lang đa dạng sinh học, khu vực đa dạng sinh học cao; tăng cường tính liên kết với các hệ thống quan trắc môi trường cấp tỉnh; bảo đảm theo dõi diễn biến chất lượng môi trường; đáp ứng yêu cầu về cung cấp, công bố, công khai thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường và nâng cao năng lực cho công tác cảnh báo, dự báo môi trường.

- Mục tiêu cụ thể giai đoạn 2021 – 2030 đối với mạng lưới quan trắc chất lượng không khí:

+ Duy trì 19 trạm quan trắc chất lượng không khí tự động, liên tục đã được vận hành; hoàn thành đầu tư, lắp đặt 18 trạm quan trắc chất lượng không khí tự động, liên tục đang được triển khai tại các vị trí quan trắc được kế thừa từ quy hoạch trước;

+ Tiếp tục đầu tư, bổ sung mới để hoàn thiện 31 trạm quan trắc môi trường không khí tự động liên tục trên cả nước, trong đó bao gồm 06 trạm quan trắc tự động, liên tục chất lượng không khí nền tại 06 vùng kinh tế - xã hội;

+ Thiết lập, hoàn thiện mạng lưới các điểm quan trắc chất lượng môi trường không khí định kỳ trên cả nước, trong đó tập trung vào các vùng phát triển kinh tế xã hội quan trọng các khu vực tập trung nhiều nguồn thải, đảm bảo việc đánh giá tác động tới môi trường không khí tại các khu vực phát triển công nghiệp và đông dân cư;

+ Bước đầu thiết lập mạng lưới quan trắc thủy ngân tự động trong không khí.

Xem chi tiết tại Quyết định 224/QĐ-TTg ngày 07/3/2024.

10. Phê duyệt Kế hoạch triển khai công tác phòng chống thiên tai năm 2024 của Bộ Y tế

Ngày 26/2/2024, Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quyết định 425/QĐ-BYT phê duyệt Kế hoạch triển khai công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2024 của Bộ Y tế. Mục tiêu Kế hoạch triển khai công tác phòng chống thiên tai năm 2024 của Bộ Y tế

* Mục tiêu chung:

- Chủ động dự phòng, sẵn sàng ứng phó, nhằm giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản do thiên tai, thảm họa gây ra;

- Nâng cao nhận thức và kỹ năng phòng, tránh của nhân dân với thiên tai, thảm họa;

- Tăng cường hội nhập quốc tế trong phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

* Mục tiêu cụ thể:

- Kiện toàn Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế và Sở Y tế các tỉnh, thành phố;

- Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu và vai trò điều phối của Ban chỉ huy phòng thủ dân sự, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Bộ Y tế.

- Nâng cao năng lực cho cán bộ Ban chỉ huy phòng thủ dân sự, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các tỉnh trọng điểm thiên tai; xây dựng hướng dẫn, tập huấn cho các đội hỗ trợ y tế khẩn cấp (EMT) về ứng phó y tế trong thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

- Tham gia có hiệu quả các hoạt động hợp tác quốc tế, tăng cường vận động tài trợ của các tổ chức trong và ngoài nước.

- Kiểm tra, giám sát các tỉnh trọng điểm thiên tai; duy trì công tác thông tin, báo cáo, sơ kết, tổng kết theo quy định.

Trách nhiệm của Sở Y tế thực hiện Kế hoạch triển khai công tác phòng chống thiên tai năm 2024 của Bộ Y tế

Theo đó, Sở Y tế các tỉnh, thành phố tổ chức thực hiện Kế hoạch triển khai công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2024 của Bộ Y tế như sau:

- Tham mưu Ban chỉ huy phòng thủ dân sự, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của tỉnh, thành phố triển khai công tác bảo đảm y tế trong phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn theo phương châm “4 tại chỗ”.

- Chỉ đạo cơ quan, đơn vị thuộc quyền xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo các cấp độ rủi ro thiên tai; xây dựng quy chế phối hợp các lực lượng bảo đảm y tế trong phòng chống thiên tai, thảm họa, sự cố; đặc biệt là công tác kết hợp quân dân y.

- Chỉ đạo Trung tâm kiểm soát bệnh tật, Trung tâm y tế cấp huyện chuẩn bị sẵn sàng các đội phòng chống dịch cơ động, sẵn sàng tổ chức phòng chống dịch bệnh, vệ sinh môi trường trước, trong và sau khi xảy ra thiên tai, thảm họa, sự cố.

- Chủ động tham mưu UBND tỉnh, thành phố bố trí ngân sách địa phương chi cho hoạt động phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; tổ chức dự trữ cơ số thuốc, trang thiết bị, hóa chất, vật tư y tế sẵn sàng đáp ứng với tình huống khẩn cấp khi có thiên tai, thảm họa xảy ra trên địa bàn;

- Tổ chức, sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm sau mỗi đợt thiên tai, thảm họa. Tổng hợp báo cáo, đề xuất công tác phòng chống thiên tai theo quy định.

Xem chi tiết tại Quyết định 425/QĐ-BYT có hiệu lực từ ngày 26/02/2024.

11. Hỗ trợ nguồn vốn cho dự án, ý tưởng khởi nghiệp của học sinh, sinh viên tại cơ sở GDNN

Ngày 06/3/2024, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quyết định 228/QĐ-BLĐTBXH về việc phê duyệt kế hoạch triển khai Đề án "Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025" năm 2024. Để tạo môi trường hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp; tạo điều kiện để học sinh, sinh viên hình thành, hiện thực hóa các ý tưởng, dự án khởi nghiệp và tự tạo việc làm sau khi tốt nghiệp, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã đề ra các nhiệm vụ, giải pháp đơn cử như:

Hỗ trợ nguồn vốn cho các dự án, ý tưởng khởi nghiệp của học sinh, sinh viên các cơ sở giáo dục nghề nghiệp

- Cơ sở giáo dục nghề nghiệp chủ động bố trí nguồn vốn hỗ trợ ý tưởng, dự án khởi nghiệp của học sinh, sinh viên.

- Tìm kiếm, kết nối với các doanh nghiệp hỗ trợ nguồn vốn hỗ trợ cho các dự án, ý tưởng khởi nghiệp của học sinh, sinh viên và các hoạt động triển khai công tác hỗ trợ khởi nghiệp tại cơ sở.

Tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng khởi nghiệp

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cán bộ, nhà giáo, người làm công tác hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp cho học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp xây dựng chuyên đề khởi nghiệp và đưa vào chương trình đào tạo theo hướng bắt buộc hoặc tự chọn để phù hợp với thực tiễn.

- Tăng cường tổ chức các hoạt động giao lưu, hội thảo trao đổi, học tập kinh nghiệm về đào tạo khởi nghiệp trong nhà trường cho đội ngũ làm công tác tư vấn, hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp.

Tạo môi trường hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp và tìm kiếm ý tưởng sáng tạo khởi nghiệp của học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp

- Phối hợp với các doanh nghiệp tổ chức các hoạt động giao lưu, khởi nghiệp; tổ chức các hoạt động thực tập, trải nghiệm tại doanh nghiệp để tạo điều kiện cho học sinh, sinh viên được tiếp cận với các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Khuyến khích cơ sở giáo dục nghề nghiệp xây dựng trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp, tạo không gian khởi nghiệp dùng chung cho học sinh, sinh viên trong nhà trường;

Thành lập các câu lạc bộ nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp cho học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Xem chi tiết tại Quyết định 228/QĐ-BLĐTBXH có hiệu lực từ ngày 06/3/2024.

12. Công bố 03 thủ tục hành chính về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức

Ngày 12/03/2024, Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành kèm theo Quyết định 168/QĐ-BNV 03 thủ tục hành chính được quy định tại Nghị định 85/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 115/2020/NĐ-CP về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ. Theo đó, ban hành 03 thủ tục hành chính về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức gồm:

- Thủ tục thi tuyển viên chức;
- Thủ tục xét tuyển viên chức;
- Thủ tục tiếp nhận vào viên chức không giữ chức vụ quản lý.

Trình tự thi tuyển viên chức

Bộ Nội vụ hướng dẫn về trình tự thực hiện thủ tục thi tuyển viên chức như sau:

- Bước 1: Thông báo tuyển dụng và tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển.
- Bước 2: Người đăng ký dự tuyển nộp Phiếu đăng ký dự tuyển tại địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc gửi theo đường bưu chính hoặc qua trang thông tin điện tử hoặc Công thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng.
- Bước 3: Kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển.
- Bước 4: Tổ chức thi tuyển viên chức.
- Bước 5: Công nhận và thông báo kết quả tuyển dụng viên chức.
- Bước 6: Hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng.
- Bước 7: Ký kết hợp đồng làm việc và nhận việc.

Phí, lệ phí dự tuyển viên chức

Phí dự tuyển dụng viên chức như sau:

- Dưới 100 thí sinh mức thu 500.000 đồng/thí sinh/lần dự thi;
- Từ 100 đến dưới 500 thí sinh mức thu 400.000 đồng/thí sinh/lần dự thi;
- Từ 500 thí sinh trở lên mức thu 300.000 đồng/thí sinh/lần dự thi.

Xem thêm nội dung tại Quyết định 168/QĐ-BNV có hiệu lực từ ngày 12/3/2024 và thay thế Quyết định 1098/QĐ-BNV ngày 31/12/2023.

13. Ban hành mẫu hồ sơ lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải đấu thầu theo quy định

Thông tư 03/2024/TT-BKHĐT quy định về mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành ngày 06/3/2024. Theo đó, Thông tư 03/2024/TT-BKHĐT quy định mẫu hồ sơ lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực, gồm:

- (1) Mẫu Thông báo mời quan tâm, Hồ sơ mời quan tâm.
- (2) Mẫu Hồ sơ mời thầu một giai đoạn một túi hồ sơ.
- (3) Mẫu Hồ sơ mời thầu một giai đoạn hai túi hồ sơ.

Xem chi tiết nội dung tại Thông tư 03/2024/TT-BKHĐT có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

(Nghị định 23/2024/NĐ-CP hướng dẫn Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực, gồm:

- Khoản 6 Điều 6 về bảo đảm cạnh tranh trong lựa chọn nhà đầu tư;
- Khoản 6 Điều 10 về ưu đãi trong lựa chọn nhà đầu tư;
- Khoản 3 Điều 15 về chi phí lựa chọn nhà đầu tư;
- Khoản 4 Điều 35 về phương thức lựa chọn nhà đầu tư;
- Khoản 3 Điều 46 về quy trình, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư;
- Khoản 5 Điều 50 và điểm c khoản 2 Điều 84 về quy trình, thủ tục, chi phí, lộ trình đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư qua mạng; cơ sở dữ liệu quốc gia về lựa chọn nhà đầu tư; trường hợp không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;
- Khoản 5 Điều 62 về phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu;
- Khoản 2 Điều 73 về nội dung hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh;
- Khoản 4 Điều 86 về kiểm tra, giám sát hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư;
- Khoản 4 Điều 88 về xử lý tình huống trong lựa chọn nhà đầu tư;
- Khoản 2 Điều 96 về quy định chuyên tiếp).

14. Những đối tượng đề nghị cấp giấy chứng nhận lương y từ 12/3/2024

Ngày 12/3/2024, Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư 02/2024/TT-BYT quy định về cấp giấy chứng nhận lương y, giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền và kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Theo đó, Thông tư 02/2024/TT-BYT quy định những đối tượng được quyền đề nghị cấp giấy chứng nhận lương y bao gồm:

- Đối tượng đã được chuẩn hóa lương y có đủ các chứng chỉ học phần quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Thông tư 02/2024/TT-BYT trước ngày 30/6/2004 nhưng chưa được kiểm tra sát hạch.

- Đối tượng đã được Trung ương Hội Đông y Việt Nam cấp giấy chứng nhận lương y chuyên sâu trước ngày 30/6/2004.

- Đối tượng đã được Tỉnh độ cư sỹ Phật hội Việt Nam bồi dưỡng và được Ban Trị sự Trung ương Tỉnh độ cư sỹ Phật hội Việt Nam cấp giấy chứng nhận đạt trình độ y sỹ cấp 2 trở lên (theo phân loại của Tỉnh độ cư sỹ Phật hội Việt Nam) trước ngày 30/6/2004.

- Đối tượng đã được cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề theo quy định của Pháp lệnh Hành nghề y,

được tư nhân có phạm vi hành nghề khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền nhưng không phải là bác sỹ, y sỹ y học cổ truyền và chưa được cấp giấy chứng nhận lương y.

- Đối tượng đã tham gia khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền từ đủ 30 năm trở lên.

- Đối tượng có kết quả đạt tại kỳ kiểm tra sát hạch theo quy định tại Thông tư 13/1999/TT-BYT hướng dẫn thực hiện Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân thuộc lĩnh vực hành nghề y, dược cổ truyền trước ngày 14/02/2004 nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận lương y.

Xem chi tiết tại Thông tư 02/2024/TT-BYT có hiệu lực từ ngày 12/3/2024.

15. Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số năm 2024 của Bộ GD&ĐT

Ngày 28/02/2024, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định 669/QĐ-BGDĐT về Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Theo đó, Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024 với nội dung như sau:

* Tiểu dự án 2 - Dự án 4: Đầu tư cơ sở vật chất cho các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực công tác dân tộc.

- Nội dung hoạt động 1: Dự án “Đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị hỗ trợ hoạt động giảng dạy, học tập cho Trường Đại học Tây Bắc”;

- Nội dung hoạt động 2: Dự án “Đầu tư xây dựng Khoa Y Dược - Trường Đại học Tây Nguyên (định hướng phát triển thành Trường Đại học Y Dược Tây Nguyên)”;

- Nội dung hoạt động 3: Dự án “Đầu tư cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng đào tạo Trường Hữu Nghị T78”;

- Nội dung hoạt động 4: Dự án “Đầu tư cơ sở vật chất và tăng cường trang thiết bị hỗ trợ hoạt động giảng dạy, học tập tại Trường Hữu nghị 80”.

* Tiểu dự án 1 - Dự án 5 : Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT), trường phổ thông có học sinh bán trú (HSBT) và xóa mù chữ (XMC) cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS)

- Nội dung hoạt động 1: Công tác điều hành của Ban Chỉ đạo
+ Điều hành và duy trì các hoạt động thường xuyên của Ban Chỉ đạo;
+ Hướng dẫn địa phương triển khai thực hiện Tiểu dự án 1 - Dự án 5 năm 2024;
+ Xây dựng các báo cáo liên quan đến nhiệm vụ quản lý và điều hành của Ban Chỉ đạo.

- Nội dung hoạt động 2: Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên (CBQL, GV) các trường PTDTNT, trường PTDTBT, trường phổ thông có HSBT

+ Xây dựng tài liệu, in và cấp phát và số hóa tài liệu;
+ Bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho CBQL, GV các trường PTDTNT, trường PTDTBT, trường phổ thông có HSBT.

- Nội dung hoạt động 3: XMC cho người dân ở vùng đồng bào DTTS

+ Tập huấn về dạy học Chương trình xóa mù chữ giai đoạn 2;

+ Biên tập và số hóa Bộ tài liệu Hướng dẫn thực hiện Chương trình xóa mù chữ giai đoạn 2 (dùng cho giáo viên và học viên);

+ Khảo sát, nghiên cứu xây dựng dự thảo bộ công cụ đánh giá về tái mù chữ ở vùng đồng bào DTTS;

+ Truyền thông, tuyên truyền về hoạt động XMC cho người dân vùng đồng bào DTTS và các hoạt động liên quan đến nội dung do Bộ GDĐT được giao chủ trì thuộc Chương trình.

* Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS và miền núi. Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình.

- Nội dung hoạt động:

+ Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo hướng dẫn địa phương thực hiện các nội dung do Bộ GD&ĐT chủ trì năm 2024 thuộc Chương trình;

+ Truyền thông về các nội dung, nhiệm vụ do Bộ GD&ĐT chủ trì thuộc Chương trình.

Xem chi tiết tại Quyết định 669/QĐ-BGDĐT có hiệu lực từ ngày 28/02/2024.

16. Sửa đổi 02 thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng kiểm từ ngày 15/4/2024

Ngày 12/3/2024, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quyết định 233/QĐ-BGTVT công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải. Theo đó, công bố 02 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải gồm:

- Cấp Giấy chứng nhận quốc tế về an ninh tàu biển theo Bộ luật Quốc tế về an ninh tàu biển và cảng biển (Bộ luật ISPS).

- Phê duyệt kế hoạch an ninh tàu biển theo Bộ luật Quốc tế về an ninh tàu biển và cảng biển (Bộ luật ISPS).

Đồng thời, công bố kèm theo Quyết định 233/QĐ-BGTVT thủ tục hành chính được bãi bỏ trong lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Bộ Giao thông vận tải là thủ tục cấp Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ sĩ quan an ninh tàu, cán bộ an ninh công ty.

Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận quốc tế về an ninh tàu biển theo Bộ luật quốc tế về an ninh tàu biển và cảng biển (Bộ luật ISPS)

- Hồ sơ Cấp Giấy chứng nhận quốc tế về an ninh tàu biển theo Bộ luật quốc tế về an ninh tàu biển và cảng biển (Bộ luật ISPS) gồm 01 bản chính Giấy đề nghị đánh giá hệ thống an ninh tàu biển theo mẫu.

- Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận quốc tế về an ninh tàu biển theo Bộ luật quốc tế về an ninh tàu biển và cảng biển (Bộ luật ISPS) như sau:

+ Công ty tàu biển nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quốc tế về an ninh tàu biển cho Cục Đăng kiểm Việt Nam.

+ Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ; nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì trong 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, hướng dẫn cho Công ty tàu biển để hoàn thiện hồ sơ; nếu hồ sơ đầy đủ, trong thời hạn không quá 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, thống nhất thời gian và địa điểm đánh giá theo yêu cầu của Công ty tàu biển.

+ Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành đánh giá hệ thống an ninh tàu biển tại tàu.

+ Sau khi hoàn thành đánh giá, nếu hệ thống an ninh tàu không đáp ứng yêu cầu của Bộ luật ISPS thì thông báo cho Công ty tàu biển để khắc phục; nếu đáp ứng thì chậm nhất sau 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành đánh giá, Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp Giấy chứng nhận quốc tế về an ninh tàu biển theo mẫu.

Xem chi tiết tại Quyết định 233/QĐ-BGTVT có hiệu lực từ ngày 15/4/2024.

17. Công bố 05 thủ tục hành chính sửa đổi lĩnh vực đăng kiểm từ ngày 20/3/2024

Ngày 29/02/2024, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đã ban hành Quyết định 194/QĐ-BGTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông Vận tải. Theo đó, công bố 05 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông Vận tải sau đây:

- Công nhận đăng kiểm viên (lần đầu) phương tiện thủy nội địa.
- Công nhận lại đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa.
- Công nhận nâng hạng đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa.
- Công nhận đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa trong trường hợp đặc biệt.
- Cấp lại Giấy chứng nhận đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa.

Thủ tục công nhận đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (lần đầu)

Trong đó, thủ tục công nhận đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (lần đầu) được thực hiện qua những bước sau đây:

- Bước 1: Nộp hồ sơ

Đơn vị đăng kiểm nộp hồ sơ đến Cục Đăng kiểm Việt Nam. Đơn vị đăng kiểm có thể nộp hồ sơ theo các cách thức sau:

- + Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- + Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- + Qua công dịch vụ công trực tuyến.

- Bước 2: Giải quyết thủ tục

+ Sau khi tiếp nhận hồ sơ, Cục Đăng kiểm Việt Nam kiểm tra thành phần hồ sơ. Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, nếu thành phần hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn cho đơn vị đăng kiểm để bổ sung theo quy định.

+ Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Đăng kiểm Việt Nam thống nhất với đơn vị đăng kiểm về thời gian, địa điểm và phân công đăng kiểm viên để tiến hành kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ đối với người được đề nghị công nhận đăng kiểm viên.

Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc sau khi hoàn thành kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ của người được đề nghị công nhận đăng kiểm viên, đăng kiểm viên và đơn vị đăng kiểm phải hoàn thành biên bản kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ đăng kiểm viên. Thời gian hoàn thành việc kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ tối đa 03 (ba) tháng, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

+ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc sau khi Cục Đăng kiểm Việt Nam nhận được biên bản kiểm tra, Hội đồng công nhận đăng kiểm viên căn cứ tiêu chuẩn đăng kiểm viên và kết quả kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ: nếu đạt yêu cầu thì đề nghị Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam quyết định công nhận đăng kiểm viên, cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên; nếu không đạt yêu cầu thì thông báo bằng văn bản cho đơn vị đăng kiểm đề nghị công nhận đăng kiểm viên.

+ Đơn vị đăng kiểm được quyền đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam kiểm tra lại năng lực thực hành nghiệp vụ đối với người được đề nghị công nhận đăng kiểm viên sau thời gian tối thiểu 01 (một) tháng kể từ ngày kiểm tra không đạt.

Đơn vị đăng kiểm nộp 01 Giấy đề nghị của đơn vị đăng kiểm theo mẫu đến Cục Đăng kiểm Việt Nam. Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện trình tự, thủ tục công nhận đăng kiểm viên theo quy định.

Xem chi tiết nội dung các thủ tục tại Quyết định 194/QĐ-BGTVT có hiệu lực từ ngày 20/3/2024.

18. Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025

Ngày 12/3/2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 227/QĐ-TTg điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022.

- Điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Bộ Công an.

- Các chỉ tiêu sử dụng đất còn lại thực hiện theo Quyết định 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Việc điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Công an không làm thay đổi mục tiêu, định hướng không gian, tầm nhìn, chỉ tiêu sử dụng đất, các dự án đã được xác định trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Đơn cử, chỉ tiêu sử dụng đất điều chỉnh đến năm 2025 trên địa bàn một số thành phố trực thuộc trung ương như sau:

- Đối với thành phố Hà Nội:
 - + Đất nông nghiệp: 185.586 ha với đất trồng lúa là 93.177 ha (trong đó đất chuyên trồng lúa nước là 90.902 ha)
 - + Đất phi nông nghiệp: 148.716 ha (trong đó đất an ninh là 1.226 ha)
- Đối với Thành phố Đà Nẵng:
 - + Đất nông nghiệp: 69.014 ha
 - + Đất phi nông nghiệp: 58.545 ha
 - ++ Đất an ninh: 294 ha
 - ++ Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia: 7.367 ha (trong đó đất xây dựng cơ sở văn hóa là 150 ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo là 750 ha)
- Đối với Thành phố Hồ Chí Minh:
 - + Đất nông nghiệp: 101.427 ha
 - ++ Đất trồng lúa: 9.472 ha (trong đó đất chuyên trồng lúa nước là 6.430 ha)
 - ++ Đất rừng phòng hộ: 34.087 ha
 - + Đất phi nông nghiệp: 107.175 ha
 - ++ Đất an ninh: 577 ha
 - ++ Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia: 25.756 ha (trong đó đất xây dựng cơ sở văn hóa là 1.043 ha và đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo là 3.635 ha)
- + Đất chưa sử dụng:
 - ++ Đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng: 94 ha
 - ++ Đất chưa sử dụng còn lại: 937 ha
- + Đất đô thị: 59.952 ha

Xem chi tiết chỉ tiêu sử dụng đất điều chỉnh đến năm 2025 của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác tại Phụ lục kèm theo Quyết định 227/QĐ-TTg. Quyết định 227/QĐ-TTg có hiệu lực kể từ ngày 12/3/2024.

19. Điều kiện cấp giấy chứng nhận lương y từ ngày 12/3/2024

Ngày 12/3/2024, Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư 02/2024/TT-BYT quy định về cấp giấy chứng nhận lương y, giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền và kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Theo đó, điều kiện cấp giấy chứng nhận lương y từ ngày 12/3/2024 được quy định tại Điều 2 Thông tư 02/2024/TT-BYT, đơn cử điều kiện đối với một số đối tượng như sau:

- Điều kiện cấp giấy chứng nhận lương y đối với đối tượng đã được Trung ương Hội Đông y Việt Nam cấp giấy chứng nhận lương y chuyên sâu trước ngày 30/6/2004:

+ Có giấy chứng nhận lương y chuyên sâu do Trung ương Hội Đông y Việt Nam cấp trước ngày 30/6/2004;

+ Trình độ học vấn: Người sinh trước ngày 01 tháng 01 năm 1960 và dân tộc ít người phải đọc thông viết thạo chữ Quốc ngữ; người sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 1960 trở về sau phải có bằng tốt nghiệp phổ thông trung học hoặc tương đương;

+ Có kết quả đạt tại kỳ kiểm tra sát hạch theo quy định tại Thông tư 02/2024/TT-BYT.

- Điều kiện cấp giấy chứng nhận lương y đối với đối tượng đã được Tỉnh độ cư sỹ Phật hội Việt Nam bồi dưỡng và được Ban Trị sự Trung ương Tỉnh độ cư sỹ Phật hội Việt Nam cấp giấy chứng nhận đạt trình độ y sỹ cấp 2 trở lên (theo phân loại của Tỉnh độ cư sỹ Phật hội Việt Nam) trước ngày 30/6/2004:

+ Có giấy chứng nhận đạt trình độ y sỹ cấp 2 trở lên (theo phân loại của Tỉnh độ cư sỹ Phật hội Việt Nam) do Ban Trị sự Trung ương Tỉnh độ cư sỹ Phật hội Việt Nam cấp trước ngày 30/6/2004;

+ Trình độ học vấn: Người sinh trước ngày 01/01/1960 và dân tộc ít người phải đọc thông viết thạo chữ Quốc ngữ; người sinh từ ngày 01/01/1960 trở về sau phải có bằng tốt nghiệp phổ thông trung học hoặc tương đương;

+ Có kết quả đạt tại kỳ kiểm tra sát hạch theo quy định tại Thông tư 02/2024/TT-BYT.

- Điều kiện cấp giấy chứng nhận lương y đối với đối tượng đã được cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề theo quy định của Pháp lệnh Hành nghề y, được tư nhân 2003 có phạm vi hành nghề khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền nhưng không phải là bác sỹ, y sỹ y học cổ truyền và chưa được cấp giấy chứng nhận lương y:

Người có giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề được cấp theo quy định của Pháp lệnh Hành nghề y, được tư nhân, trong đó phạm vi hành nghề là khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền nhưng không phải là bác sỹ, y sỹ y học cổ truyền và chưa được cấp giấy chứng nhận lương y.

- Điều kiện cấp giấy chứng nhận lương y đối với đối tượng có kết quả đạt tại kỳ kiểm tra sát hạch theo quy định tại Thông tư 13/1999/TT-BYT hướng dẫn thực hiện Pháp lệnh Hành nghề y, được tư nhân 2003 thuộc lĩnh vực hành nghề y, được cổ truyền trước ngày 14/02/2004 nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận lương y:

Đạt kết quả kiểm tra sát hạch theo quy định tại Thông tư 13/1999/TT-BYT nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận lương y.

Xem chi tiết điều kiện tại Thông tư 02/2024/TT-BYT có hiệu lực từ ngày 12/3/2024.

20. Tiêu chuẩn xét tặng Bằng khen của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội từ 15/02/2024

Ngày 29/12/2023, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư 16/2023/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Luật Thi đua, khen thưởng 2022 trong lĩnh vực lao động, người có công và xã hội.

- Bằng khen của Bộ để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

+ Có thành tích xuất sắc được bình xét khi sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua do Bộ trưởng phát động;

+ Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ;

+ Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo;

+ Có 02 lần liên tục được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” hoặc có liên tục từ 02 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng có hiệu quả trong phạm vi cơ sở hoặc có 02 đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cơ sở hoặc là thành viên Tổ biên tập, Ban soạn thảo 02 văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, đề án trình cấp Bộ trở lên đã được ban hành, đảm bảo tiến độ, chất lượng hoặc có 02 bài viết đã được công bố trên tạp chí khoa học có mã số chuẩn quốc tế ISSN;

+ Có thời gian công tác tại đơn vị từ 10 năm trở lên, có nhiều đóng góp cho sự phát triển của đơn vị được xét tặng nhân dịp đơn vị kỷ niệm ngày thành lập (năm tròn);

+ Cá nhân công tác tại các đơn vị thuộc Bộ đã đến tuổi nghỉ hưu và 05 năm liên tục liền kề trước thời điểm nghỉ hưu luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trở lên và chưa được nhận Bằng khen của Bộ. Việc đề nghị xét tặng Bằng khen được thực hiện khi cá nhân có thông báo nghỉ hưu của cơ quan có thẩm quyền.

+ Các cá nhân khác do Bộ trưởng xem xét, quyết định đảm bảo các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

- Bằng khen của Bộ để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

+ Có thành tích xuất sắc được bình xét khi sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua do Bộ trưởng phát động;

+ Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ;

+ Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo;

+ Có 02 năm liên tục được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (hoàn thành 100% nhiệm vụ được giao, giao bổ sung và đột xuất trong năm bảo đảm đúng hoặc vượt tiến độ được giao và đạt chất lượng theo yêu cầu; chủ động, tham mưu, đề xuất với cấp có thẩm quyền để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao) hoặc đạt danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc".

Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực;

+ Có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong quá trình xây dựng và phát triển đơn vị từ 10 năm trở lên được xét tặng nhân dịp đơn vị kỷ niệm ngày thành lập (năm tròn);

+ Các tập thể khác do Bộ trưởng xem xét, quyết định đảm bảo các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

- Bằng khen của Bộ để tặng cho hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp cho địa phương và xã hội trong lĩnh vực lao động, người có công và xã hội.

Xem chi tiết tại Thông tư 16/2023/TT-BLĐTBXH có hiệu lực từ ngày 15/02/2024 và thay thế Thông tư 08/2019/TT-BLĐTBXH ngày 08/3/2019.

21. Quyết liệt triển khai thực hiện hóa đơn điện tử khi bán lẻ xăng dầu

Ngày 06/3/2024, Tổng cục Thuế ban hành Công văn 837/TCT-DNL quyết liệt thực hiện hóa đơn điện tử theo từng lần bán hàng đối với kinh doanh bán lẻ xăng dầu. Tổng cục Thuế yêu cầu đồng chí Cục trưởng Cục Thuế, đặc biệt là đồng chí Cục trưởng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có tỷ lệ cửa hàng bán lẻ xăng dầu thực hiện lập hóa đơn điện tử (HDDT) từng lần bán hàng còn thấp (theo Phụ lục 02 đính kèm):

- Trực tiếp, quyết liệt chỉ đạo thực hiện nghiêm quy định về HDDT, kết nối dữ liệu với cơ quan thuế theo quy định tại Nghị định 123/2020/NĐ-CP và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ;

- Tổ chức thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các giải pháp mà Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế đã chỉ đạo;

- Phân công, giao chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể đến từng bộ phận, cán bộ công chức của Cục Thuế để nâng cao trách nhiệm thực thi công vụ, tăng cường hơn nữa năng lực giám sát và kịp thời hỗ trợ người nộp thuế thực hiện thành công việc phát hành HDDT từng lần bán hàng tại các cửa hàng, doanh nghiệp bán lẻ xăng dầu trên địa bàn.

Cục Thuế chủ động thành lập các đoàn kiểm tra hoặc tham mưu UBND tỉnh, thành phố thành lập các đoàn kiểm tra liên ngành thực hiện kiểm tra tại các cửa hàng bán lẻ xăng dầu việc thực hiện HDDT và kết nối dữ liệu về cơ quan thuế theo quy định của Nghị định 123/2020/NĐ-CP, tiến hành xử phạt theo quy định pháp luật đối với các trường hợp không thực hiện hoặc cố tình không thực hiện.

Đồng thời, căn cứ thực tế tại địa phương, Cục Thuế chủ động tham mưu UBND chỉ đạo cơ quan chức năng xem xét yêu cầu tạm dừng hoạt động kinh doanh và thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu đối với các cửa hàng bán lẻ xăng dầu, doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu đến hết ngày 31/3/2024 không thực hiện đúng quy định về HDDT.

- Cục Thuế báo cáo kết quả hoàn thành về Tổng cục Thuế (qua Cục Thuế doanh nghiệp lớn) chậm nhất ngày 20/03/2024 bằng văn bản và qua email: nttbinh01@gdt.gov.vn.

- Cục Thuế tiếp tục báo cáo tiến độ hàng ngày tình hình triển khai thực hiện phát hành HDDT từng lần bán hàng đối với hoạt động kinh doanh bán lẻ xăng dầu (theo mẫu biểu đính kèm) về địa chỉ email: nttbinh01@gdt.gov.vn.

Xem chi tiết tại Công văn 837/TCT-DNL ngày 06/3/2024.

22. Ban hành Quy chế sử dụng Phần mềm Quản lý hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm

Ngày 12/3/2024, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định 790/QĐ-BGDĐT về Quy chế quản lý, vận hành, khai thác sử dụng Phần mềm Quản lý hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm.

- Quy chế này quy định việc quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Phần mềm Quản lý hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học.

- Quy chế này áp dụng đối với các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng có đào tạo giáo viên, các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục và các tổ chức, cá nhân tham gia vào việc quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Phần mềm.

Phân cấp quản lý và vận hành Phần mềm Quản lý hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm

- Phần mềm được cài đặt, lưu trữ, quản lý tập trung đặt tại trung tâm dữ liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo (do Cục Công nghệ thông tin quản lý).

- Tài khoản quản trị máy chủ do Cục Công nghệ thông tin quản lý, bảo đảm Phần mềm được hoạt động liên tục, thông suốt, ổn định, an toàn, bảo mật.

- Tài khoản quản trị vận hành, khai thác, sử dụng Phần mềm do Cục Quản lý chất lượng quản lý; đơn vị, cá nhân có liên quan được Cục Quản lý chất lượng cấp 01 (một) tài khoản để quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Phần mềm.

- Quản lý tài khoản đơn vị

+ Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm tiếp nhận, quản lý tài khoản và bàn giao tài khoản cho cá nhân có trách nhiệm của đơn vị để quản lý, sử dụng;

+ Đơn vị, cá nhân có trách nhiệm đổi mật khẩu ban đầu ngay sau khi nhận tài khoản; quản lý, sử dụng và bảo mật thông tin tài khoản theo đúng mục đích.

- Trường hợp tài khoản của đơn vị, cá nhân được cấp bị mất mật khẩu phải thông báo kịp thời cho Cục Quản lý chất lượng để xử lý.

- Các đơn vị thực hiện việc nhập thông tin vào Phần mềm thông qua tài khoản đã cấp; thông tin phải được Thủ trưởng đơn vị duyệt trước khi nhập vào Phần mềm.

- Cục Quản lý chất lượng chủ trì tổ chức nhập thông tin lần đầu vào Phần mềm; trước ngày 28 hằng tháng, nếu có thay đổi thông tin, đơn vị cập nhật thông tin vào Phần mềm; thực hiện việc nhập và cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn thực hiện về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục đại học và các thông tin, hoạt động có liên quan vào Phần mềm.

- Cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng có đào tạo giáo viên, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục và cơ sở bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định viên thực hiện việc nhập thông tin vào Phần mềm; trước ngày 28 hằng tháng, nếu có thay đổi thông tin, đơn vị thực hiện việc cập nhật thông tin vào Phần mềm.

Xem chi tiết tại Quyết định 790/QĐ-BGDĐT ngày 12/3/2024.

23. Yêu cầu chức năng của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh từ 05/4/2024

Ngày 31/12/2023, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư 21/2023/TT-BTTTT quy định về chức năng, tính năng kỹ thuật của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh. Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh bao gồm nhiều phân hệ có chức năng đáp ứng các

mục tiêu sử dụng khác nhau, kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu với nhau, tạo thành một hệ thống tập trung và thống nhất; bảo đảm tối thiểu hai phân hệ chính là Cổng dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh và Phân hệ giải quyết thủ tục hành chính đáp ứng các yêu cầu chức năng sau:

- Cổng dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh gồm các chức năng cơ bản, tối thiểu như sau:
 - + Xác thực người dùng;
 - + Cung cấp thông tin về thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến, bao gồm: Mức độ cung cấp dịch vụ; Danh mục thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến;
 - + Sử dụng dịch vụ công trực tuyến, bao gồm: Tạo lập hồ sơ điện tử; Trao đổi thông tin với người dùng trong quá trình thực hiện dịch vụ công trực tuyến; Cung cấp biểu mẫu điện tử tương tác; Tải ảnh, hồ sơ, tài liệu; Tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính/bưu chính công ích; Thanh toán trực tuyến; Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính;
 - + Ký số và tích hợp với Cổng kết nối dịch vụ chứng thực chữ ký số (sau đây gọi là Cổng eSign);
 - + Tra cứu, bao gồm: Tra cứu dịch vụ công theo các tiêu chí; Tra cứu hồ sơ;
 - + Phản ánh kiến nghị;
 - + Đánh giá sự hài lòng của người dùng;
 - + Thống kê tình trạng giải quyết hồ sơ;
 - + Hỗ trợ người dùng, bao gồm: Hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến; Hỏi - đáp, khảo sát ý kiến người dùng; Trợ lý ảo;
 - + Các chức năng khác, bao gồm: Quản lý thông tin người dùng; Khai thác Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân; Ghi lưu nhật ký, thống kê, báo cáo truy cập.
 - Phân hệ giải quyết thủ tục hành chính gồm các chức năng cơ bản như sau:
 - + Quản lý danh mục thủ tục, hồ sơ, biểu mẫu;
 - + Quản lý danh mục trạng thái xử lý thủ tục hành chính;
 - + Giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính;
 - + Báo cáo thống kê;
 - + Quản lý hồ sơ, tài liệu;
 - + Quản lý danh mục điện tử dùng chung;
 - + Quản trị hệ thống;
 - + Quản trị và sử dụng Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức và cá nhân;
 - + Theo dõi quá trình xử lý hồ sơ thủ tục hành chính;
 - + Điều hành, tác nghiệp;
 - + Các tiện ích;
 - + Liên thông, tích hợp và chia sẻ thông tin, dữ liệu.
 - Các chức năng của phân hệ giải quyết thủ tục hành chính có thể không có trong Phân hệ giải quyết thủ tục hành chính nhưng bắt buộc phải có trong phân hệ khác của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh.
 - Các yêu cầu cụ thể về chức năng của Cổng dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 21/2023/TT-BTTTT.
 - Các yêu cầu cụ thể về chức năng của Phân hệ giải quyết thủ tục hành chính quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 21/2023/TT-BTTTT.
- Thông tư 21/2023/TT-BTTTT có hiệu lực kể từ ngày 05/4/2024.*

24. Yêu cầu chung với cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của CQNN từ 05/4/2024

Ngày 31/12/2023, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư 22/2023/TT-BTTTT quy định cấu trúc, bố cục, yêu cầu kỹ thuật cho cổng thông tin điện tử và trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước. Theo đó, cổng thông tin điện tử và trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước phải đáp ứng những yêu cầu chung sau:

- Tuân thủ quy định về cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng tại Chương II Nghị định 42/2022/NĐ-CP, Điều 28 Luật Công nghệ thông tin 2006 và Điều 20 Nghị định 64/2007/NĐ-CP về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

- Tuân thủ Khung kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số Việt Nam và Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số cấp bộ hiện hành đối với cổng thông tin điện tử và trang thông tin điện tử cấp bộ; Kiến trúc Chính quyền điện tử, Chính quyền số cấp tỉnh hiện hành đối với cổng thông tin điện tử và trang thông tin điện tử cấp tỉnh.

- Các thông tin của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng được lưu trữ dưới dạng dữ liệu có cấu trúc, lưu trữ trong cơ sở dữ liệu và chia sẻ dưới dạng dịch vụ web (web service) để bảo đảm khả năng sẵn sàng kết nối, chia sẻ thông tin giữa các hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước.

- Cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử có phương án dự phòng bảo đảm duy trì hoạt động an toàn, liên tục và khắc phục khi có sự cố xảy ra, trừ những trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật.

- Cơ quan chủ quản cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử có quy chế quản lý, vận hành và cung cấp thông tin bao gồm nội dung về quy trình xử lý sự cố, tiếp nhận và xử lý thông tin vi phạm theo quy định của pháp luật.

- Cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử được gắn mã giám sát trên Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số (Hệ thống EMC) trên cơ sở thông tin được cung cấp theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 22/2023/TT-BTTTT.

- Cấu trúc, bố cục trên giao diện cổng thông tin điện tử và trang thông tin điện tử:

- + Cổng thông tin điện tử và trang thông tin điện tử có nhãn thể hiện việc đã kết nối với Hệ thống EMC;

- + Cổng thông tin điện tử có hiển thị đường dẫn tại trang chủ dẫn đến các trang thành phần của công;

- + Trang thông tin điện tử có đường dẫn tại trang chủ đến cổng thông tin điện tử mà trang trực thuộc;

- + Bảo đảm sự tương đồng về màu sắc, bố cục giữa cổng và các trang thành phần tại giao diện Đầu trang và giao diện Chân trang.

- Tuân thủ về lưu trữ dữ liệu theo quy định của pháp luật về lưu trữ, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng và pháp luật khác có liên quan.

- Bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về dữ liệu đặc tả được quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 22/2023/TT-BTTTT.

- Các yêu cầu đối với cổng thông tin điện tử

- + Triển khai trên hạ tầng có khả năng mở rộng theo nhu cầu sử dụng;

- + Đáp ứng các yêu cầu về an toàn thông tin đối với hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên.

- Các yêu cầu đối với trang thông tin điện tử có thể triển khai trên hạ tầng thông thường tùy theo nhu cầu sử dụng.

Xem chi tiết tại Thông tư 22/2023/TT-BTTTT có hiệu lực từ ngày 05/4/2024.

25. Điều kiện, hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp từ 01/5/2024

Ngày 15/3/2024, Chính phủ ban hành Nghị định 32/2024/NĐ-CP quy định về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.

- Thành lập cụm công nghiệp phải đáp ứng các điều kiện sau:

+ Có trong Danh mục các cụm công nghiệp trên địa bàn cấp tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; có quỹ đất phù hợp với quy hoạch sử dụng đất trên địa bàn cấp huyện;

+ Có doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức có tư cách pháp lý, có năng lực đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp;

+ Trong trường hợp địa bàn cấp huyện đã thành lập cụm công nghiệp thì tỷ lệ lấp đầy trung bình của các cụm công nghiệp đạt trên 50% hoặc tổng quỹ đất công nghiệp chưa cho thuê của các cụm công nghiệp không vượt quá 100 ha.

- Mở rộng cụm công nghiệp phải đáp ứng các điều kiện sau:

+ Tổng diện tích cụm công nghiệp sau khi mở rộng không vượt quá 75 ha; có quỹ đất phù hợp với quy hoạch sử dụng đất trên địa bàn cấp huyện;

+ Có doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức có tư cách pháp lý, có năng lực đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp;

+ Đạt tỷ lệ lấp đầy ít nhất 60% hoặc nhu cầu thuê đất công nghiệp trong cụm công nghiệp vượt quá diện tích đất công nghiệp hiện có của cụm công nghiệp;

+ Hoàn thành xây dựng, đưa vào sử dụng các công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung thiết yếu (gồm: Đường giao thông nội bộ, cấp nước, thu gom và xử lý nước thải) theo quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt.

Hồ sơ đề nghị thành lập, mở rộng cụm công nghiệp từ 01/5/2024

Hồ sơ đề nghị thành lập cụm công nghiệp, mở rộng cụm công nghiệp bao gồm:

- Tờ trình đề nghị thành lập hoặc mở rộng cụm công nghiệp của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Trường hợp cụm công nghiệp nằm trên hai đơn vị hành chính cấp huyện trở lên, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao một Ủy ban nhân dân cấp huyện trình đề nghị thành lập hoặc mở rộng cụm công nghiệp;

- Văn bản của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp (trong đó có cam kết không vi phạm các quy định của pháp luật và chịu mọi chi phí, rủi ro nếu không được chấp thuận) kèm theo Báo cáo đầu tư thành lập hoặc mở rộng cụm công nghiệp và bản đồ xác định vị trí, ranh giới của cụm công nghiệp;

- Bản sao hợp lệ tài liệu về tư cách pháp lý của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp;

- Bản sao hợp lệ tài liệu chứng minh năng lực tài chính của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật gồm ít nhất một trong các tài liệu sau:

+ Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất;

- + Cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ;
- + Cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính;
- + Bảo lãnh về năng lực tài chính;
- + Tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính (nếu có);
- Bản sao hợp lệ tài liệu chứng minh kinh nghiệm của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và các văn bản, tài liệu khác có liên quan (nếu có).

Xem chi tiết tại Nghị định 32/2024/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/5/2024 và thay thế Nghị định 68/2017/NĐ-CP ngày 25/05/2017, Nghị định 66/2020/NĐ-CP 11/06/2020.

Trên đây là một số quy định mới được các cơ quan nhà nước cấp trên ban hành. Phòng Tư pháp thành phố đề nghị các cơ quan, đơn vị thành phố, UBND các xã, phường quan tâm phối hợp tuyên truyền, thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố;
- Ban Tuyên giáo Thành ủy;
- Thành viên HĐPHPBGPL tp;
- Cổng Thông tin điện tử tp;
- Trung tâm VH-TT-TT tp;
- Phòng Văn hóa và Thông tin tp;
- UBND các xã, phường;
- Các trường THPT trên địa bàn tp;
- Trường THPT Chuyên Lào Cai;
- Trường THPT Dân tộc nội trú Lào Cai;
- Lưu: VT.(Hmg)

TRƯỞNG PHÒNG

Hoàng Văn Phiên